

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THAN UYÊN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST  
Ngày: 11/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Lâm – Ông Nguyễn Xuân Trường.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Duy Thế - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Viết Tuân - Kiểm sát viên

Ngày 11/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS, ngày 19/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **26/2020/QĐXXST-HS ngày 28/7/2020** đối với bị cáo:

**Lừ Tiến D -** Sinh ngày: 19/12/1996

Nơi cư trú: Khu 4, Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lừ Văn Ng – Sinh năm: 1974 và bà: Hoàng Thị Th – Sinh năm: 1976; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Sau khi bị khởi tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên triệu tập nhiều lần nhưng bị cáo không có mặt theo giấy triệu tập, tiến hành xác minh bị cáo không có mặt tại địa phương. Ngày 01/4/2020, Cơ quan Điều tra đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo, ngày 03/4/2020, bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị áp dụng biện pháp tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên (*Có mặt*).

**- Bị hại gồm:**

1. Lò Văn K – Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Bản Đ, xã H, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

2. Lò Văn L – Sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Huy H – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Bản c, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt có lý do)

2. Đào Thị H1 – Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt có lý do)

**- Người làm chứng:**

1. Cầm Văn T – Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Khu 9, Thị trấn T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt)

2. Lò Văn S – Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Bản Đ, xã H, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lừ Tiến D sinh ngày: 19/12/1996, trú tại: Khu 9 Thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu, trong các ngày 28/11/2019 và 26/02/2020, lợi dụng sự quen biết các chủ sở hữu, D đã hai lần mượn 02 chiếc xe mô tô, sau đó gian dối với chủ sở hữu, mục đích chiếm đoạt tài sản bằng cách mang hai chiếc xe mô tô của anh Lò Văn L và anh Lò Văn K đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, cụ thể:

*Vụ thứ nhất:* Lừ Tiến D do có mối quan hệ tình cảm với chị Lò Thị Q, sinh năm: 1996, trú tại bản L xã M huyện Than Uyên nên Lừ Văn D đến nhà chị Quý từ giữa năm 2019 theo phong tục địa phương mà chưa đăng ký kết hôn. Quá trình sinh sống cùng gia đình chị Quý, D được ông Lò Văn L sinh năm: 1975 là bố chị Quý tin tưởng cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave SD, biển kiểm soát 25T1-065.93 cùng đăng ký xe mô tô để D làm phương tiện đi lại. Ngày 28/11/2019, do không có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của ông L để lấy tiền. D rủ anh Cầm Văn T sinh năm: 1994, trú tại Khu 1, thị trấn T đi cùng, mục đích để anh Toàn chở D về sau khi cầm cố xe. Sau đó, D và anh Toàn đến xã Mường Cang, huyện Than Uyên cầm cố chiếc xe mô tô của ông L cùng đăng ký xe lấy số tiền 6.000.000 đồng thời hạn cầm cố là 01 tháng từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/12/2019 tại cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Huy H tại Bản c, xã M, quá trình cầm cố tài sản, D không nói cho anh H biết về nguồn gốc chiếc xe do mượn của ông L mà có. Số tiền cầm cố xe mô tô D mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết. Không thấy D mang

xe về, ông L hỏi lý do thì D nói dối ông L là xe mô tô bị Cảnh sát giao thông tạm giữ. Ông L nghi ngờ D không trung thực nên đã đến Đội cảnh sát giao thông và trật tự Công an huyện Than Uyên hỏi thì biết xe mô tô của ông không bị Cảnh sát giao thông tạm giữ. Sau đó, ông Lò Văn L làm đơn tố giác hành vi của Lữ Tiến D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên. Đối với anh H, hết thời hạn cầm cố nhưng không thấy D đến thanh lý hợp đồng nên cuối tháng 01/2020, anh H đã bán chiếc xe mô tô D cầm cố cho một người không rõ lai lịch lấy số tiền 7.500.000 đồng.

*Vụ thứ hai:* Trưa ngày 26/02/2020, Lữ Tiến D đến nhà anh Vàng Văn Sinh, sinh năm: 1992 trú tại Bản Đ, xã H ăn cơm, uống rượu. Quá trình ăn uống, D hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển kiểm soát 25B1-575.77 thuộc quyền sở hữu của anh Lò Văn K, sinh năm: 1994 trú tại Bản Đ, xã H, mục đích để đi mua nước uống. Khi đi mua nước, D phát hiện trong cốp xe mô tô của anh K có đăng ký xe nên nảy sinh ý định mang chiếc xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. D điều khiển xe mô tô của anh K đến cửa hàng cầm đồ của chị Đào Thị H1, sinh năm: 1981, trú tại Bản N, xã P cầm cố lấy 2.500.000 đồng, thời hạn cầm cố là 15 ngày (từ ngày 26/02/2020 đến ngày 12/3/2020), khi cầm cố D nói dối chị H1 là xe mô tô của D mua lại của người khác. Sau đó, anh K nhắn tin báo D trả xe thì D nói dối anh K là đến ngày 28/02/2020 sẽ trả xe và D tắt điện thoại để anh K không liên lạc được với D. Số tiền cầm cố chiếc xe D đã tiêu xài cá nhân và hết thời hạn cầm cố, D không thanh lý hợp đồng và cũng không trả xe mô tô cho anh K. Ngày 11/3/2020, anh Lò Văn K làm đơn tố giác hành vi của D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số: 13 ngày 30/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave SD, biển kiểm soát 25T1-065.93 của ông Lò Văn L bị Lữ Tiến D chiếm đoạt có trị giá 8.815.000 đồng; bản kết luận định giá tài sản số: 14 ngày 30/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, biển kiểm soát 25B1-575.77 của anh Lò Văn K bị Lữ Tiến D chiếm đoạt có trị giá 13.975.000 đồng

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ của anh Nguyễn Huy H 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô; tạm giữ của chị Đào Thị H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade biển kiểm soát 25B1-575.77 cùng 01 đăng ký xe và 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô. Căn cứ đơn đề nghị của bị hại Lò Văn K, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, ngày 12/5/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe cho anh Lò Văn K là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave SD, biển kiểm soát 25T1-065.93 của ông Lò Văn L, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Vật chứng còn lại của vụ án gồm: 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô tạm giữ của anh Nguyễn Huy H; 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô tạm giữ của chị Đào Thị H1, đều được đưa vào hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 18/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố bị cáo Lữ Tiến D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 - Bộ luật hình sự 2015.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lữ Tiến D đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Than Uyên, Lai Châu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lữ Tiến D phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 – Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lữ Tiến D từ 08 tháng đến 12 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giam (03/4/2020).

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 175 – Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo và giải quyết nội dung theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lò Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Huy H không yêu cầu bồi t H1; bị hại Lò Văn L yêu cầu Lữ Tiến D bồi t H1 số tiền 8.815.000 đồng là trị giá chiếc xe mô tô; tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo đã tác động đến gia đình, cùng thỏa thuận và bồi t H1 lại toàn bộ số tiền 8.815.000 đồng cho bị hại L. Do đó, không xem xét giải quyết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đào Thị Hương yêu cầu Lữ Tiến D hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng.

Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết là đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Tiến D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu với lời khai nhận của bị cáo với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án hoàn toàn phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, bị cáo Lữ Tiến D đã mượn 02 chiếc xe mô tô của ông L và anh K, sau đó gian dối với chủ sở hữu để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 22.790.000 đồng bằng hình thức cầm cố hai chiếc xe mô tô để lấy tiền tiêu xài, cụ thể ngày 28/11/2019, sau khi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 25T1-065.93 có trị giá 8.815.000 đồng, Lữ Tiến D mang đi cầm cố lấy số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 26/02/2020, D mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 25B1-575.77 của anh Lò Văn K có trị giá 13.975.000 đồng mang đi cầm cố với chị Đào Thị H1 lấy số tiền 2.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền 8.500.000 đồng cầm cố hai chiếc xe D đã tiêu xài hết.

**Hành vi mà bị cáo Lữ Tiến D thực hiện** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 - Bộ luật hình sự. Do vậy, bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội: Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn xâm hại trực tiếp đến trật tự xã hội, gây mất niềm tin trong quần chúng nhân dân. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo là người phát triển

bình t H1 cả về thể lực cũng như trí lực. Bị cáo đã nhận thức được mọi hành vi xâm hại đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức coi t H1 pháp luật và vì động cơ vụ lợi cá nhân muốn có tiền một cách nhanh chóng nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực tác động gia đình bồi t H1 toàn bộ trị giá chiếc xe mô tô cho bị hại Lò Văn L nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 – BLHS.

Bị cáo Lữ Tiến D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 02 lần đối với 02 chủ sở hữu, nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở để buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 – Bộ luật Hình sự là *“Phạm tội 02 lần trở lên”*.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo Lữ Tiến D mặc dù là một người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện lao động làm ra của cải vật chất, muốn có tiền tiêu sài mà không phải bỏ công sức, bị cáo D đã cố ý thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình và cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều, khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp ngăn chặn: trong giai đoạn điều tra, bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị áp dụng biện pháp tạm giam. Do đó, cần áp dụng điều 329 – Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án, thời gian tạm giam sẽ được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Lữ Tiến D để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự (TNDS)

Trước khi mở phiên tòa: Đối với bị hại Lò Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Huy H không có yêu cầu bồi t H1, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với bị hại Lò Văn L yêu cầu bị cáo Lữ Tiến D bồi t H1 số tiền 8.815.000 đồng là trị giá chiếc xe mô tô mà bị cáo D đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, sau khi bị cáo và bị hại L thỏa thuận nhất trí bồi t H1 số tiền 8.800.000 đồng, bị cáo D đã tích cực tác động gia đình bồi t H1 số tiền trên, việc thỏa thuận là tự nguyện và theo quy định, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với chị Đào Thị H1 yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho chị số tiền 2.500.000 đồng là số tiền D cầm cố chiếc xe mô tô tại quán nhà chị. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D nhất trí. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với chị H1.

[8] Về vật chứng của vụ án là:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade biển kiểm soát 25B1-575.77 cùng 01 đăng ký xe. Căn cứ đơn đề nghị của bị hại Lò Văn K, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, ngày 12/5/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cùng đăng ký xe cho anh Lò Văn K là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy, việc xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không phải giải quyết.

01 hợp đồng cầm cố xe mô tô tạm giữ của anh Nguyễn Huy H; 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô tạm giữ của chị Đào Thị H1, đều được đưa vào hồ sơ vụ án. Xét thấy đây là những chứng cứ để giải quyết vụ án, do vậy, cần được lưu tại hồ sơ.

[9] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với anh Nguyễn Huy H, chị Đào Thị H1 là người nhận cầm cố xe mô tô của bị cáo D; anh Cầm Văn T là người đi cùng D cầm cố xe mô tô. Quá trình điều tra xác định anh H, chị H1, anh Toàn không biết việc D mượn xe của người khác đi cầm cố nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý với anh H, chị H1, anh Toàn là có căn cứ.

Quá trình điều tra, bị cáo D khai đã dùng số tiền cầm cố xe mô tô để mua ma túy sử dụng, chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo D không xác định được nhân thân, lai lịch của người bán ma túy cho bị cáo, do đó, không có căn cứ điều tra, làm rõ.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lữ Tiến D phải chịu án phí hình sự theo quy định.

**Án phí dân sự sơ thẩm:** Bị cáo với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận hoàn trả số tiền cho nhau trước khi mở phiên tòa nên bị cáo D không phải chịu án phí.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo: **Lữ Tiến D** phạm tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*.

#### **1. Về hình phạt:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lữ Tiến D 08(tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (03/4/2020).

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào Điều 46, khoản 1 Điều 48 – Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 117, 122, 131, 309, 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Bị cáo Lữ Tiến D có trách nhiệm hoàn trả cho chị Đào Thị H1 số tiền 2.500.000 đồng.

*Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 – Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm



2016 của Ủy ban t H1 vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Lữ Tiên D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, Điều 333 – Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án ; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- Các bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- CQĐT huyện Than Uyên;
- CQ THAHS H. Than Uyên;
- THA PT;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp Lai Châu;
- Lưu: HS-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Mỹ Hằng**

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Trường**

**Lò Văn Lâm**

**Lương Thị Mỹ Hằng**



